

*Bắc Từ Liêm, ngày 11 tháng 01 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây :

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

**Anh Trần V L, sinh 1976:** Nơi ĐKKHKT và ở tại: Tổ 4, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**Chị Vũ Thị T T, sinh năm 1976;** Nơi ĐKKHKT : Tổ 4, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú tại: Phòng 903, Tòa nhà B10B đường Nguyễn Chánh, phường Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 29/11/2002 của UBND xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần V L và chị Vũ Thị T T kết hôn năm 2002 trên cơ sở có tình cảm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chúng tôi đã cố gắng điều chỉnh song không được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Anh chị có hai con chung là cháu Trần Vũ An Bình, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Trần Vũ An Nguyên, sinh ngày 26/6/2007. Khi ly hôn anh chị

thỏa thuận anh L nuôi cháu Bình, chị T nuôi cháu Nguyên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đã thành niên có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở .

*Về tài sản chung và vay nợ:* Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Về lệ phí:* Anh L và chị T tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần V L và chị Vũ Thị T T xác định tình cảm không còn nên thuận tình ly hôn.

2.*Về con chung:* Anh chị có hai con chung là cháu Trần Vũ An Bình, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Trần Vũ An Nguyên, sinh ngày 26/6/2007. Khi ly hôn, anh L nuôi cháu Bình, chị T nuôi cháu Nguyên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đã thành niên có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở .

3.*Về tài sản chung và vay nợ:* Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

4.*Về lệ phí:* Anh L và chị T tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh chị đã nộp theo biên lai số AB/2015/02511 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bắc Từ Liêm. Anh chị đã nộp đủ.

**3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm;- UBND phường X
- Các đương sự;- Lưu HS, VP.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thùy Chi**

